TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 12/2021/DS-PT Ngày 30 - 9 - 2021 V/v tranh chấp quyền sử dụng đất	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Vân.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Đức Trường

Ông Nguyễn Mạnh Cường

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Thiều Thị Minh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:*** bà Lâm Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2021/TLDS- PT ngày 03 tháng 8 năm 2021 về việc tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện VX, tỉnh Hà Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2021/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Tô Quang T. Địa chỉ: Tổ 8, thị trấn VX, huyện VX, tỉnh HG. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Cao Xuân B - Luật sư, thuộc Văn phòng Luật sư Cao Xuân B, tỉnh HG. Có mặt.

- *Bị đơn**:***

Anh Trịnh Ngọc Đ. Địa chỉ: Tổ 8, thị trấn VX, huyện VX, tỉnh HG. Có mặt.

Chị Đỗ Thị L. Địa chỉ: Tổ 8, thị trấn VX, huyện VX, tỉnh HG. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị Sái Thị H. Địa chỉ: Tổ 8, thị trấn VX, huyện VX, tỉnh HG. Vắng mặt.

Bà Chẩu Thị H. Địa chỉ: Tổ 8, thị trấn VX, huyện VX, tỉnh HG. Vắng mặt.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Tô Quang T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2019, Bản tự khai ngày 19/3/2019, Biên bản lấy lời khai ngày 17/5/2019 và quá trình tố tụng nguyên đơn ông Tô Quang T trình bày:

Năm 1986 ông T được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện VX, tỉnh HG cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) mang tên ông Tô Quang T với diện tích là 354m^2 đất thổ cư tại tổ 8, thị trấn VX, huyện VX, tỉnh HG có vị trí các bên tiếp giáp như sau: Phía đông giáp đất bà Phạm Thị T (Nay là Đ, H), phía tây giáp đất nhà ông LP (Nay là LĐ), phía Bắc giáp đường quốc lộ (Hướng từ cây xăng đi Làng Đ), phía Nam giáp công ty cấp 3 (Nay giáp nhà Phong C; giáp trụ sở văn hóa tổ 8; giáp đất nhà Đông T, giáp đất nhà Thanh T). Năm 1987 ông T mua đất của ông Chương Văn H ở Đông C thị trấn VX với diện tích 700m^2, đất ruộng liền kề với diện tích đất của nhà ông T tại tổ 8, thị trấn VX, huyện VX, tỉnh HG. Năm 1989, ông T tiếp tục mua đất vườn của bà Nguyễn Thị G với diện tích 300m^2 đất liền kề với đất ruộng mua của ông H. Đến năm 1993 ông T làm đơn đề nghị xin cấp đất, được địa chính huyện VX xuống đo đạc, lên bản đồ giải thửa số 33 có diện tích 1.399,9m^2 nhưng ông chưa được cấp GCNQSDĐ mà họ chỉ căn cứ vào kết quả đo được là 1.399,9m^2 và bản đồ giải thửa để thu thuế đất nhà ông T từ năm 1993 cho đến năm 2010.

Ngày 18/6/2010 ông T mới được cấp GCNQSDĐ chứng nhận quyền sử dụng đất số BB047963 vào sổ cấp GCN 01057/QĐ-UB số 1538 mang tên người sử dụng đất ông Tô Quang T và Chẩu Thị H, địa chỉ: Tổ 8, thị trấn VX, tỉnh HG với diện tích là 979,9m^2 tại thửa đất số 132 và 175, tờ bản đồ số 33 đất trồng cây lâu năm. Tại GCNQSDĐ số BB047966 vào sổ cấp giấy chứng nhận số 01058/QĐ-UB số 1537 mang tên ông Tô Quang T và bà Chẩu Thị H, địa chỉ: Tổ 8, thị trấn VX, tỉnh HG với diện tích là 300m^2 tại thửa đất số 125, tờ bản đồ số 33 đất ở đô thị. Tổng số diện tích đất đo ban đầu là 1,399,9m^2 nhưng đến ngày 18/6/2010 nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ cấp hai giấy chứng nhận với tổng diện tích là 1.279,9m^2 là do nhà nước đã trừ 120m^2 để làm rãnh nước đi qua. Khi nhà ông được cấp giấy chứng nhận thì phần đất được trừ kể từ thời điểm đó không phải nộp thuế, quá trình sử dụng ông T sử dụng đất đúng diện tích và mục đích.

Năm 2004 gia đình ông T và chị Đỗ Thị L xảy ra tranh chấp đất, vì chị L đã xây công trình phụ lấn vào đất ruộng nhà ông T với diện tích là 1,8m^2 x 5,1m^2 = 9m^2. Đến giữa năm 2017 ông T và anh Trịnh Ngọc Đ xảy ra tranh chấp do anh Đ xây dựng nhà, ông T có nói với anh Đ là đã xây dựng lấn sang nhà ông T, anh Đ cho rằng không lấn chiếm vì đã sử dụng đúng phần diện tích đất đã mua. Sau đó ông T làm đơn đề nghị thị trấn VX xuống đo và kết luận anh Đ có lấn chiếm đất của gia đình ở phía mặt đường là 0,8 x 20m chiều sâu = 8m^2. Đến cuối năm 2017, giải quyết ở thị trấn VX như sau: Nếu anh Đ đã xây dựng rồi thì ông sẽ cho anh Đ nhưng với điều kiện anh phải trả số tiền thuế gia đình ông T đã nộp từ năm 2018 cho đến năm 2010 nhưng anh Đ không đồng ý. Nay ông T đề nghị buộc chị L phải tháo dỡ tài sản (chuồng lợn) trả lại gia đình ông T diện tích đất 9m^2; yêu

cầu chị L trả cho ông T tiền thuế đất mà ông T nộp cho nhà nước từ năm 2004 đến năm 2019 với số tiền 1.417.500 đồng; yêu cầu buộc anh Trịnh Ngọc Đ phải tháo dỡ tài sản (cầu thang và bán mái) để trả lại đất cho gia đình ông T với diện tích là 8m^2; yêu cầu anh Đ trả cho ông T số tiền thuế đất đã nộp cho nhà nước từ năm 2003 đến 2019 là 1.344.000 đồng.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng bị đơn anh Trịnh Ngọc Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (chị Sái Thị H) thống nhất trình bày:

Anh Trịnh Ngọc Đ và chị Sái Thị H là vợ cH, vào tháng 10/2003 anh Đ và anh Phạm Văn Tú có cùng nhau mua đất của nhà ông B - Đảm có vị trí tiếp giáp như sau: Phía đông giáp đất nhà ông B - Đảm; phía Tây giáp đất ông Tô Quang T - Chẩu Thị H; phía Nam giáp rãnh thoát nước chung; phía bắc giáp đường đi hướng cây xăng vào Làng Đ. Đến tháng 10/2009 anh Tú đã bán lại phần đất của anh Tú cho anh Đ, anh Đ mua đất nhà ông B Đảm vào năm 2003 có 01 nhà gỗ 02 gian. Khi anh Đ mua đất của ông B - Đảm xong anh Đ có thuê ông B xây kè móng đá giáp ranh giữa nhà anh Đ với nhà ông Tô Quang T, khi xây kè móng đá anh Đ có gọi ông T, bà Chẩu Thị H ra để chỉ ranh giới, khi xây thì bà H vợ ông T là người chỉ ranh giới thì ông B mới xây, khi ông B xây cho anh Đ thì giữa ông B là chủ đất cũ và bà Chẩu Thị H là người giáp ranh không nói gì về việc tranh chấp đất, khi xây kè móng đá xong anh Đ mua gạch B về để xây công trình phụ và làm xưởng mộc, anh Đ xây tường cao khoảng 1,7m. Khi anh Đ xây kè móng đá có hàng cây Chè, ngoài ra không có cây gì làm mốc nữa. Hiện tại thì không còn cây nào làm mốc, chỉ có móng đá kè và xây tường của anh Đ xây từ năm 2003 cho đến nay vẫn còn.

Năm 2017 anh Đ xây nhà, anh Đ có làm thủ tục xin cấp phép xây dựng, khi đang xây thì ông T có đơn kiện, thì gia đình anh Đ bị tạm dừng cấp giấy phép xây dựng. Về cây nhãn hiện tại đang trồng trong phần đất của gia đình, gia đình anh Đ trồng vào cuối năm 2004, lúc đó cây Mít vẫn còn, hiện tại gia đình anh Đ là người thu hoạch, theo ông T cho rằng ông T trồng cây Nhãn là không đúng. Anh Đ xây kè móng đá trước, đến năm 2017 anh Đ xây nhà, do đất nhà anh Đ có bị trũng có đổ thêm đất vào. Sau đó anh Đ lại xây kè móng đá tiếp để bằng mặt đường thì mới trồng tường bán mái, phần bán mái xây bằng gạch bi, lợp mái tôn cũng vào năm 2017. Quan điểm của anh Đ, chị H về việc ông T cho rằng gia đình anh Đ là lấn chiếm đất với diện tích 11,4m^2 là không đúng, vì khi anh Đ xây ông T có sang nói là có lấn đất, ông T có làm đơn đề nghị cơ quan nào giải quyết thì anh Đ không biết, trong quá trình anh Đ xây dựng không có cơ quan nào đến để giải quyết, đến khi xong thì mới thấy UBND thị trấn VX và tổ khu phố đến giải quyết.

Nay ông Tô Quang T kiện anh Đ về việc buộc gia đình anh Đ phải trả cho ông T số diện tích 11,4m^2 và tháo dỡ công trình trên đất. Quan điểm của anh Đ và chị H không nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định, hiện tại gia đình anh Đ còn chưa sử dụng hết diện tích đất theo GCNQSDĐ đã được cấp.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng bị đơn chị Đỗ Thị L trình bày:

Vào năm 2003 chị L có mua đất của nhà ông Lô Ngọc Đường, khi đó trên đất chưa có tài sản gì. Thời điểm chị L mua đất nhà ông Đường chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2005 chị L mới chuyển từ xã Phú Linh, huyện VX đến và chị L có làm nhà tạm để ở, khoảng năm 2013 mới xây nhà kiên cố. Khi chị L mua đất của ông Đường đã có ranh giới giữa nhà chị L với nhà ông Tô Quang T (ranh giới có bụi Hóp, 01 cây Ổi, hàng cây Dâu do ông T trồng ở bờ ao, những cây này làm ranh giới hiện nay không còn). Năm 2005 chị L ra làm nhà tạm để ở và xây chuồng lợn luôn, hiện tại chuồng lợn vẫn còn.

Khi chị L xây dựng nhà ở không được cấp phép xây dựng vì khi mua đất của nhà ông Đường, ông Đường chưa có GCNQSDĐ. Đến năm 2017 gia đình chị L mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ Giấy chứng nhận CG431569 do UBND huyện VX cấp ngày 23/11/2017. Cuối năm 2017 chị L lại mua thêm đất của nhà ông Chính X, đất này cũng chưa có GCNQSDĐ. Sau đó chị mới làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, đến tháng 12/2018 chị được cấp GCNQSDĐ số vào sổ Giấy chứng nhận CN699963 cấp ngày 12/12/2018 (Vị trí: Phía đông giáp đất nhà ông T - H; phía Tây giáp đường đi nội huyện; phía Nam giáp rãnh thoát nước chung; phía bắc giáp đất ông Đường - H).

Nay ông T khởi kiện yêu cầu chị L trả cho ông T diện tích đất 8,5m^2 (diện tích đất tranh chấp theo kết quả đo đạc là 6,3 m^2) và tháo dỡ chuồng lợn trên đất tranh chấp. Quan điểm của chị L không nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông T, chị L khẳng định diện tích đất tranh chấp giữa ông T và chị không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Chẩu Thị H trình bày:

Năm 1986 gia đình bà H, ông Đ được UBND huyện VX cấp đất, đất đó thuộc loại đất đồi. Sau đó gia đình bà còn mua thêm đất ruộng của ông Hạc để sử dụng, đến năm nào làm thủ tục để cấp đổi lại bìa đỏ thì bà H không biết vì toàn bộ thủ tục do ông T đi làm, bà H có được biết các bên tiếp giáp như sau: Phía đông giáp đất nhà anh Đ - H; phía tây giáp đất nhà ông Lô P (là Lô Đ) cuối vườn giáp chị L; phía Bắc giáp đường (Hướng từ cây xăng đi Làng Đ); phía Nam giáp công ty cấp 3 (Nay giáp nhà Phong C; Giáp Trụ sở văn hóa tổ 8; giáp đất nhà Đông T, giáp đất nhà Thanh T).

Quá trình gia đình bà H sử đất về phần giáp ranh với nhà ông Đ, H trước đây ranh giới bà có trồng cây Nhãn, cây Mít, hàng Chè để làm tường rào. Hiện tại hàng Chè, cây Mít đã bị chết, chỉ còn 01 cây Nhãn, hàng Cọ gia đình bà trồng bên trong ranh giới, không phải hiện nay còn mỗi cây Cọ lại lấy làm ranh giới, cây Nhãn hiện vẫn còn vì khi ông B bán đất cho nhà Đ, H thì giữa ông B và nhà Đ, H đã nói với nhau như thế nào về cây Nhãn thì bà không biết. Anh Đ có thuê ông B kè đá để chắn đất khỏi rơi sang nhà anh Đ, khi bà H phát hiện ông B kè đá có lấn sang đất nhà bà H, cụ thể bao nhiêu thì bà H không biết, ông B có nói rằng phần thấp là của phía nhà ông Đ còn phía cao là của nhà bà H. Hiện tại cây Nhãn vẫn còn do nhà anh Đ, H là người thu hoạch.

Khi anh Đ, H xây kè gia đình bà H không bị chặt cây. Tại thời điểm anh Đ xây kè bờ rào bà H có ra chỉ ranh giới, khi bà H đi làm về thì thấy ông B xây không đúng với ranh giới chỉ mà xây sang nhà bà H bao nhiêu mét thì bà không biết, bà H có nói với ông B là ông xây không đúng ranh giới chỉ, nhưng ông B vẫn nói cao của nhà bà còn thấp của phía bên ông Đ, sự việc đó hai gia đình chỉ nói vậy, hai bên không cãi nhau nên không có cấp có thẩm quyền nào đến giải quyết. Đến khi anh Đ xây nhà thì ông T có sang nói với anh Đ là có sự lấn chiếm đất, nhưng anh Đ không nghe nên mới xảy ra tranh chấp, bà H không nhớ năm nào nhờ đến chính quyền giải quyết.

Quá trình gia đình bà H sử dụng đất về phần giáp ranh với nhà ông Đường có ruộng, sau đó nhà bà H có làm bờ ao để làm ranh giới giữa nhà bà H với nhà ông Đường, Lượng. Trên bờ ao phía nhà ông Đường bà có trồng cây Xoài, cây Vải và bờ rào có hàng Chè. Sau đó (không nhớ rõ thời gian) gia đình bà phá hàng Chè để xây tường rào bằng gạch, còn góc bên phía đất nhà chị L mua đất nhà ông Đường lúc đó có bờ ao, cây Xoài, cây Vải khi chị L mua đất với ông Đường, bà H có ra chỉ mốc là có hàng Chè nhưng lúc đó có nói kéo theo hàng Chè bên phía nhà ông Đường thẳng từ đường cái vào thì đó làm mốc giới, còn cây Xoài, cây Vải trồng giữa bờ ao là thuộc bên phần đất nhà bà H không thể làm mốc giới. Rãnh nước phía sau nhà bà H không phải rãnh nước mà là ruộng, đến khi gia đình lấp ruộng thì mới thành rãnh thoát nước tự nhiên, nếu không lấp thì nước lại chảy vào phần đất ruộng. Việc cấp bìa đỏ vào năm nào bà H không biết vì mọi thủ tục do ông T tự đi làm, nên rãnh nước có trong bìa đỏ hay không thì bà không biết. Hiện nay rãnh nước vẫn đang sử dụng chung cả xóm. Quan điểm của bà H về việc ông T khởi kiện hộ anh Đ, hộ chị L lấn chiếm đất của gia đình bà H, bà H xét đây là do lỗi của gia đình bà H không làm triệt để ngay từ đầu và để họ xây dựng nhà và ở từ cho đến nay, hơn nữa họ lại cùng hàng xóm nên bà H không nhất trí việc ông T khởi kiện tranh chấp đất đối với nhà anh Đ và nhà chị L.

Tại Bản án số 02/2021/DS-ST ngày 29/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện VX, tỉnh Hà Giang quyết định:

Áp dụng Điều 6; Điều 12; Điều 99; Điều 203 Luật đất đai năm 2014; Áp dụng khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 158; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 4 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Tuyên về hình thức: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất" của ông Tô Quang T đối với anh Trịnh Ngọc Đ và chị Đỗ Thị L là hợp lệ.

2. Xử bác yêu cầu "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất" giữa ông Tô Quang T đối với anh Trịnh Ngọc Đ diện tích đất là 11,4m^2 (trên thực địa đo đạc diện tích đất là 22,8 m^2) tại các điểm ký hiệu từ T1 đến T4 và điểm từ Đ4 đến Đ13 (có sơ đồ kèm theo)

3. Xử bác yêu cầu "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất" của ông Tô Quang T với với chị Đỗ Thị L diện tích đất: 8,5 m^2 (trên thực địa đo đạc diện tích đất: 6,3 m^2) tại các điểm có ký hiệu từ T13 đến T15 và điểm từ L2 đến L4 (có sơ đồ kèm theo). Tạm giao cho chị L sử dụng diện tích đất: 6,3 m^2, có công trình trên đất.

4. Xử bác yêu cầu đòi tiền thuế đất của ông Tô Quang T đối với anh Trịnh Ngọc Đ số tiền 2.166.000 đồng.

5. Xử bác yêu cầu đòi tiền thuế đất của ông Tô Quang T đối với Đỗ Thị L số tiền 1.530.000 đồng.

6. Về lệ phí: Buộc ông Tô Quang T phải chịu chi phí thuê đo diện tích đất số tiền: 11.615.953 đồng. (ông T đã nộp đủ) và chi phí thẩm định đất 900.000 đồng (ông T đã nộp đủ)

7. Về án phí: Buộc ông Tô Quang T phải chịu: 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự không có giá ngạch. Được khấu trừ vào số tiền 600.000 đồng theo biên lai thu số 02302 ngày 9/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VX, tỉnh HG (ông T đã nộp đủ).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, điều kiện thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/7/2021 nguyên đơn ông Tô Quang T có đơn kháng cáo không nhất trí toàn bộ Bản án sơ thẩm. Ông T yêu cầu hộ ông Trịnh Ngọc Đ phải trả lại 11,4m^2 đất lấn chiếm, tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất lấn chiếm; trả tiền thuế đất ông đã nộp cho nhà nước 19 năm là 2.166.000 đồng. Yêu cầu bà L trả lại 8,5m^2 đất lấn chiếm tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất lấn chiếm; trả tiền thuế đất ông đã nộp cho nhà nước 18 năm là 1.530.000 đồng. Yêu cầu hộ ông Đ và bà L phải chịu chi phí đo lại đất 3 nhà, án phí, kinh phí Thẩm định, các văn bản photo công chứng là 14.505.953 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Tô Quang T giữ nguyên kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 02 ngày 29/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện VX, tỉnh Hà Giang. Ông T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không căn cứ GCNQSDĐ ông được cấp để giải quyết mà chỉ căn cứ kết quả lồng ghép để giải quyết là không đúng vì bản đồ lồng ghép không đúng, chỉ là bản đồ thu nhỏ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Cấp sơ thẩm chỉ căn cứ Bản đồ lồng ghép kết quả đo đạc để giải quyết vụ án là không có căn cứ. Vì hình thể thửa đất khác nhau, không đề cập diện tích đất tranh chấp có thuộc hồ sơ kỹ thuật thửa đất không, diện tích đất tăng của anh Đ và của chị L chưa được làm rõ. Phần diện tích đất 6,3m^2 chị L đang sử dụng, cấp sơ thẩm cho rằng là đất lưu không nhưng trên bản đồ không có đất lưu không mà cấp sơ thẩm không làm rõ là không có căn cứ giải quyết. Quan điểm đề nghị hủy Bản án sơ thẩm, đề nghị giao lại hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người

tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp chưa chính xác, do nguyên đơn có 03 yêu cầu (yêu cầu bị đơn trả diện tích đất tranh chấp, yêu cầu tháo dỡ tài sản trên đất tranh chấp và yêu cầu trả tiền thuế đất) nên cần xác định là "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại". Khi xem xét thẩm định tại chỗ cấp sơ thẩm không tiến hành thẩm định tài sản trên đất, tại cấp phúc thẩm đã ủy thác cho Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện và đã có kết quả; khi đo đạc đã tiến hành đo đạc toàn bộ cả 03 thửa đất của ông T là chưa đúng đối tượng và không cần thiết; kết quả lồng ghép thể hiện đất tranh chấp giữa ông T và chị L (6,3m^2) không nằm trong GCNQSD Đ của ông T, không nằm trong GCNQSD Đ của bà L nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ phần đất thừa này thuộc quyền sử dụng của ai (Để đưa họ vào tham gia tố tụng) làm căn cứ để bác hoặc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T (Nếu không phải đất của ông T thì là đất của ai ?). Về quan điểm, căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị hủy Bản án sơ thẩm, giao lại cấp sơ thẩm để giải quyết lại. Về án phí phúc thẩm, ông T không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định là "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất". Tuy nhiên, xét thấy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn tháo dỡ tài sản trả diện tích đất lấn chiếm cho nguyên đơn, vì vậy căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Tô Quang T trong thời hạn luật định. Vì vậy, kháng cáo của ông T được Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

[3] Đối với bị đơn bà Đỗ Thị L, người có QLNVLQ bà Chẩu Thị H, chị Sái Thị H (không có kháng cáo), đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng mặt. HĐXX tiếp tục xét xử theo quy định.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Tô Quang T về việc đề nghị hộ ông Trịnh Ngọc Đ phải trả lại 11,4m^2 đất lấn chiếm, tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất lấn chiếm; trả tiền thuế đất ông đã nộp cho nhà nước 19 năm là 2.166.000 đồng. Yêu cầu bà L trả lại 8,5m^2 đất lấn chiếm tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất lấn chiếm; trả tiền thuế đất ông đã nộp cho nhà nước 18 năm là 1.530.000 đồng. Yêu cầu hộ ông Đ và bà L phải chịu chi phí đo lại đất 3 nhà, án phí, kinh phí Thẩm định, các văn bản photo công chứng là 14.505.953 đồng. Xét thấy:

[5] Về nguồn gốc diện tích đất của nguyên đơn ông Tô Quang T: Ông T trình bày vào năm 1986 gia đình ông được UBND huyện VX cấp diện tích 300m^2 đất ở tại tổ 8, thị trấn VX, huyện VX, tỉnh Hà Giang theo Quyết định số 34/QĐ - UB ngày 01/12/1986 của UBND huyện VX về việc cấp đất cho hộ gia đình cán bộ - CNVC. Năm 1987 ông T mua đất của ông Chương Văn H diện tích 700m^2

đất ruộng liền kề với diện tích đất của nhà ông T; năm 1989 ông T tiếp tục mua đất vườn của bà Nguyễn Thị G với diện tích 300m^2 đất liền kề với đất ruộng mua của ông Hào. Năm 1993 ông T làm đơn đề nghị xin cấp GCNQSDĐ, đến năm 2010 gia đình ông T mới được cấp GCNQSDĐ.

[6] Tại tờ bản đồ giải thửa số 03 do Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện VX cung cấp (BL516) thể hiện diện tích đất mang tên ông T là 1.100m^2. Tại GCNQSDĐ số BB047963 ngày 18/6/2010 do UBND huyện VX, tỉnh Hà Giang cấp cho ông Tô Quang T và bà Chẩu Thị H, công nhận quyền sử dụng đất cho vợ cH ông T, bà H đối với thửa đất số 132 và thửa đất số 175, tờ bản đồ số 33 với diện tích 979,9m^2 (Đất trồng cây lâu năm) tại tổ 08, thị trấn VX, huyện VX, tỉnh Hà Giang. Tại GCNQSDĐ số BB047966 ngày 18/6/2010 do UBND huyện VX, tỉnh Hà Giang cấp cho ông Tô Quang T và bà Chẩu Thị H, công nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông T, bà H thửa đất số 125, tờ bản đồ số 33 với diện tích 300m^2 (Đất ở đô thị) tại tổ 08, thị trấn VX, huyện VX, tỉnh Hà Giang. Tổng diện tích đất vợ chồng ông Tô Quang T, bà Chẩu Thị H được cấp GCNQSDĐ là 1.279,9m^2 (Đã trừ 120m^2 đất để làm rãnh nước đi qua).

[7] Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/9/2019 và Bản đồ lồng ghép ranh giới mảnh trích đo địa chính số 86 - 2019 ngày 16/9/2019 với ranh giới theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất (BL248a) ông T chỉ mốc giới vị trí ranh giới thửa đất tại thực địa được cấp GCNQSDĐ có ký hiệu từ T1 đến T20 (Gồm: Thửa 1, diện tích 22,8m^2; thửa 3, diện tích 0,3m^2; thửa 4, diện tích 1.454,3m^2; thửa 5, diện tích 6,3m^2. Trong đó: Thửa 1 có diện tích 4,4m^2 và thửa 4 có diện tích 12,6m^2 nằm trong hành Lg giao thông và 99,7m^2 là rãnh thoát nước). Thửa đất số 132 và thửa đất số 175 được cấp GCNQSDĐ có diện tích 979,9m^2; thửa đất số 125 được cấp GCNQSDĐ có diện tích 300m^2.

[8] Về nguồn gốc diện tích đất của bị đơn anh Trịnh Ngọc Đ: Anh Đ trình bày tháng 10 năm 2003, anh và anh Phạm Văn T cùng nhau mua đất của nhà ông B - Đ tổng diện tích đất 240m^2 (Vị trí: Phía Đông giáp đất nhà ông B- Đ; phía Tây giáp đất ông Tô Quang T, Chẩu Thị H; phía Nam giáp rãnh thoát nước chung; phía Bắc giáp đường đi hướng cây xăng vào Làng Đ), đến tháng 10/2009 anh T đã chuyển nhượng lại phần đất của anh cho vợ chồng anh Đ.

[9] Tại GCNQSDĐ số AB 426722 ngày 17/10/2005 do UBND huyện VX, tỉnh Hà Giang cấp cho ông Trịnh Ngọc Đ và vợ là Sái Thị H, công nhận quyền sử dụng đất cho vợ cH ông Đ, bà H thửa đất số 141a, tờ bản đồ số "00" (tờ bản đồ giải thửa số 03) với diện tích 120m^2 (Đất ở đô thị) tại tổ 08, thị trấn VX, huyện VX, tỉnh Hà Giang. Tại GCNQSDĐ số AN 147657 ngày 13/10/2009 do UBND huyện VX, tỉnh Hà Giang cấp cho anh Trịnh Ngọc Đ và Sái Thị H, công nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Đ, bà H thửa đất số 172, tờ bản đồ số 33 với diện tích 120m^2 (Đất ở đô thị) tại tổ 08, thị trấn VX, huyện VX, tỉnh Hà Giang.

[10] Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/9/2019 và Bản đồ lồng ghép ranh giới mảnh trích đo địa chính số 86 - 2019 ngày 16/9/2019 với ranh giới theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất (BL248a) anh Đ chỉ mốc giới vị trí ranh giới thửa đất tại thực địa được cấp GCNQSDĐ có ký hiệu từ Đ1 đến Đ13 (Gồm: Thửa 1, diện

tích 22,8m^2; thửa 2, diện tích 248,8m^2; thửa 3, diện tích 0,3m^2. Trong đó: Thửa 1 có diện tích 4,4m^2 và thửa 2 có diện tích 17,6m^2 nằm trong hành Lg giao thông).

[11] Về nguồn gốc diện tích đất của bị đơn chị Đỗ Thị L: Chị L trình bày vào năm 2003 chị L có mua đất của nhà ông Lô Ngọc Đ, khi đó trên đất chưa có tài sản gì. Quá trình sử dụng đất chị L đã xây dựng nhà tạm để ở và đến năm 2013 thì xây dựng nhà kiên cố. Năm 2017 chị được UBND huyện VX cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất mua của ông Đ và đến cuối năm 2017 chị L lại mua thêm đất của nhà ông Chính X, đất này cũng chưa có GCNQSDĐ (năm 2018 chị L được cấp GCNQSDĐ). Đất chị L có vị trí tiếp giáp: Phía đông giáp đất nhà nhà ông T; Phía Tây giáp đất ông giáp đường nội huyện (Bệnh viện - UBND huyện); phía Nam giáp rãnh thoát nước; phía bắc giáp đất nhà Huyền - Đ.

[12] Tại GCNQSDĐ số CG 431569 ngày 23/11/2017 do UBND huyện VX cấp cho chị Đỗ Thị L, công nhận quyền sử dụng đất cho chị L thửa đất số 229 với diện tích 91,0m^2 loại đất ở đô thị. Tại GCNQSDĐ số CN 699963 ngày 12/12/2018 do UBND huyện VX cấp cho chị Đỗ Thị L, công nhận quyền sử dụng đất cho chị L thửa đất số 242 diện tích đất 81,9m^2 loại đất ở đô thị.

[13] Về diện tích đất tranh chấp: Căn cứ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và bản đồ lồng ghép ranh giới mảnh trích đo địa chính số 86-2019 ngày 16/9/2019 với ranh giới theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất 125,132,175, 229, 242, 108 tờ bản đồ số 33 tổ 8, thị trấn VX và công văn số 230/VPĐK - PTQĐ ngày 09/8/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang (BL 247, 248a).

[14] Xác định vị trí phần đất tranh chấp đất giữa gia đình ông T với anh Đ, đoạn ký hiệu điểm từ T1 đến T4 do ông T chỉ và đoạn từ điểm Đ4 đến Đ13 do anh Đ chỉ trên thực địa, kết quả đo đạc có tổng diện tích là 22,8 m^2 (theo yêu cầu của ông T là 11,4 m^2). Kết quả lồng ghép giữa kết quả đo đạc trên thực địa với hồ sơ kỹ thuật thửa đất ông T được cấp GCNQSDĐ, diện tích đất ông Tô Quang T khởi kiện yêu cầu anh Đ trả và đề nghị tháo dỡ tài sản trên đất không nằm trong giấy trong GCNQSDĐ của gia đình ông T và bà H tại các thửa đất 125, 132, 175.

[15] Xác định vị trí phần đất tranh chấp đất giữa gia đình ông T với chị L, đoạn ký hiệu từ điểm T13 đến T15 do ông T chỉ trên thực địa và đoạn từ điểm L2 đến L4 do chị L chỉ trên thực địa có tổng diện tích là 6,3 m^2 (ông T yêu cầu là 8,5m^2). Diện tích đất ông Tô Quang T khởi kiện yêu cầu chị L trả và đề nghị tháo dỡ chuồng lợn không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông T, bà H (tại các thửa đất 125, 132, 175).

[16] Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sơ đồ Lồng ghép ranh giới mảnh trích đo địa chính số 86 - 2019 ngày 16/9/2019 với ranh giới theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất số 125, 132, 229, 108 tờ bản đồ địa chính số 33, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ.

[17] Đối với yêu cầu của ông Tô Quang T về việc yêu cầu ông Trịnh Ngọc Đ phải trả tiền thuế đất ông T đã nộp cho nhà nước 19 năm là 2.166.000 đồng và yêu cầu bà Đỗ Thị L trả tiền thuế đất ông T đã nộp cho nhà nước (từ năm 2004 đến năm 2019) 18 năm là 1.530.000 đồng. Xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án

ông T cung cấp tài liệu chứng minh việc ông T nộp thuế đất cho nhà nước gồm: Thông báo nộp thuế số 03/TB-CCT ngày 27/7/2010 (Thửa 132; số tiền phải nộp: 72.000 đồng); Thông báo nộp thuế số 110/TB-CCT ngày 20/11/2012 (Không ghi số thửa; số tiền phải nộp: 25.900 đồng); Thông báo số 106/TB-CCT ngày 05/4/2016 (Thông báo nộp tiền thuế đất năm 2018; … thửa đất 132, 175 thuộc tờ bản đồ số 33, tổ 08, thị trấn VX; diện tích thu thuế: 979,9m^2. Tổng số tiền phải nộp: 318.468 đồng); Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước (Ngày 10/5/2011: 123.417 đồng, 19/5/2016; 318.338 đồng, 24/8/2015; 318.468 đồng, 19/5/2014: 123.417 đồng, 15/5/2013; 123.417 đồng); Thông báo 32/TB-CCT ngày 29/3/2017 v/v Thông báo nôp tiền thuế đất năm 2018; … thửa đất 132, 175 thuộc tờ bản đồ số 33, tổ 08, thị trấn VX; diện tích thu thuế: 979,9m^2. Tổng số tiền phải nộp: 318.468 đồng; Bảng kê nộp thuế ngày 27/3/2019 (Người nộp thuế: Tô Quang T, tổ 08 thị trấn VX; tiền thuế đất năm 2019: 247.425 đồng); Thông báo nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế đất ngày 10/4/1997; Các Biên lai thu thuế nhà đất (số 0045041 ngày 16/5/2009; số 0044763 ngày 12/7/2006; số 0005627 ngày 13/9/2005; số 046131 ngày 24/4/2004; số 045205 ngày 22/4/2003) đều không ghi số thửa đất, không ghi diện tích thu thuế. Mặc dù các tài liệu do ông T cung cấp chứng minh việc ông đã nộp thuế đất cho nhà nước đối với diện tích đất ông T sử dụng là thực tế, nhưng không có căn cứ chứng minh số tiền thuế ông T nộp là tiền thuế sử dụng đất ông Đ, bà L phải có nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước mà ông T đã nộp thay, vì vậy cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông T là có căn cứ.

[18] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Tô Quang T về việc yêu cầu ông Trịnh Ngọc Đ và bà Đỗ Thị L phải chịu chi phí (Chi phí đo lại đất 3 nhà, án phí, kinh phí Thẩm định, các văn bản photo công chứng) là 14.505.953 đồng. Xét thấy: Do yêu cầu khởi kiện của ông T không được chấp nhận, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự buộc ông T phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc (11.615.953 đồng), chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (900.000 đồng); căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc ông T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ. Đối với yêu cầu của ông T yêu cầu ông Đ, bà L phải trả cho ông T khoản tiền các văn bản photo công chứng ông đã giao nộp cho Tòa án, nhưng không xác định rõ số tiền, không cung cấp được căn cứ xác định số tiền đã chi phí cho các văn bản nào, giao nộp cho ai, ai có nghĩa vụ cung cấp và tại cấp sơ thẩm ông T không yêu cầu xem xét đối với khoản tiền chi phí các văn bản photo công chứng. Vì vậy, không có căn cứ xem xét yêu cầu này của ông T.

[19] Đối với ý kiến của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận. Nguyên đơn ông T là người yêu cầu đo đạc, sau khi có kết quả đo đạc và kết quả lồng ghép ông T không có ý kiến gì đối với kết quả đo đạc và không đề nghị đo đạc lại.

[20] Đối với ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang về việc cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp chưa chính xác cần xác định lại là

có căn cứ. Đối với việc xem xét thẩm định tại chỗ, cấp sơ thẩm tiến hành thẩm định đo đạc toàn bộ hiện trạng sử dụng đất (đo đạc toàn bộ cả 03 thửa đất hộ ông T đang quản lý, sử dụng), xác định vị trí cấp GCNQSDĐ là phù hợp trong việc thu thập chứng cứ. Đối với nội dung cho rằng cấp sơ thẩm chưa xác định diện tích đất 6,3m^2 là đất của ai là không cần thiết. Về quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đề nghị hủy Bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

[21] Từ những phân tích nêu trên xét thấy kháng cáo của nguyên đơn ông Tô Quang T không có căn cứ vì vậy không được chấp nhận. Tuy nhiên do phần quyết định của Bản án sơ thẩm tuyên chưa rõ nên cần nên cần được tuyên lại.

[22] Ngoài ra, xét thấy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn (ông Đ, bà L) phải tháo dỡ tài sản trên đất để trả lại đất tranh chấp cho nguyên đơn, nhưng trong quá trình xem xét thẩm định tại chỗ Tòa án cấp sơ thẩm không mô tả tình trạng tài sản trên diện tích đất tranh chấp là thiếu sót. Tại giai đoạn phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang đã ủy thác cho Tòa án cấp sơ thẩm xác định hiện trạng tài sản trên diện tích đất có tranh chấp giữa ông T với ông Đ, chị L. Ngày 20/9/2021, Tòa án nhân dân huyện VX đã tiến hành kiểm tra hiện trạng tài sản trên đất tranh chấp và đã được bổ sung đầy đủ. Xét thấy, việc nguyên đơn yêu cầu hộ anh Đ, chị L tháo dỡ tài sản trên đất tranh chấp không có căn cứ (diện tích đất tranh chấp không nằm trong GCNQSDĐ hộ ông T).

[23] Tại phần quyết định của Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện VX tuyên tạm giao cho chị L sử dụng diện tích đất 6,3 m^2 có công trình trên đất là không phù hợp bởi lẽ: Trong vụ án này nguyên đơn ông T khởi kiện yêu cầu bà L trả lại 8,5m^2 đất lấn chiếm (diện tích đất tranh chấp theo kết quả đo đạc là 6,3 m^2), yêu cầu tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất lấn chiếm; bị đơn bà L không có yêu cầu phản tố, không yêu cầu tạm giao diện tích đất đang tranh chấp giữa ông T và bà L. Vì vậy căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự về phạm vi xét xử phúc thẩm cần thiết sửa một phần bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

[24] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu toàn bộ án án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[25] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, vì vậy ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Tô Quang T

Sửa một phần bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 29/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện VX, tỉnh Hà Giang.

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Quang T về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Tô Quang T về việc yêu cầu hộ anh Trịnh Ngọc Đ trả diện tích đất tranh chấp 11,4m^2 (theo kết quả đo đạc trên thực địa có diện tích đất là 22,8 m^2) tại các điểm ký hiệu từ T1 đến T4 và điểm từ Đ4 đến Đ13.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Tô Quang T về việc yêu cầu chị Đỗ Thị L trả diện tích đất tranh chấp 8,5 m^2 (theo kết quả đo đạc trên thực địa có diện tích đất là 6,3 m^2) tại các điểm ký hiệu từ T13 đến T15 và điểm từ L2 đến L4.

(*Có sơ đồ Lồng ghép ranh giới mảnh trích đo địa chính số 86 – 2019 ngày 16/9/2019 với ranh giới theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất số 125, 132, 229, 108, tờ bản đồ địa chính số 33*).

4. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Tô Quang T về việc yêu cầu anh Trịnh Ngọc Đ trả số tiền 2.166.000 đồng.

5. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Tô Quang T về việc yêu cầu chị Đỗ Thị L trả số tiền 1.530.00 đồng.

6. Về lệ phí: Buộc ông Tô Quang T phải chịu chi phí thuê đo diện tích đất số tiền 11.615.953đ và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 900.000đ. Tổng cộng là 12.515.953 đồng (ông T đã nộp đủ).

7. Về án phí:

- Buộc ông Tô Quang T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ phí dân sự không có giá ngạch. Được khấu trừ vào số tiền 600.000đ theo biên lai thu số 02302 ngày 9/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VX, tỉnh Hà Giang (ông T đã nộp đủ).

- Ông Tô Quang T phải chịu 300.000 đồng.án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002129 ngày 12/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện VX, tỉnh Hà Giang.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND huyện VX;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện VX;
- Cục THADS tỉnh HG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Vân